TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ QUỐC** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **31/**2018/HNGĐ-ST
Ngày: **07/6/2018**
V/v: *"Xin ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ QUỐC - TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Kim Trang

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Tấn Đấu.

2. Ông Ngô Rạng Đông - Hội trưởng Hội khuyến học huyện Phú Quốc.

- Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà Trần Cẩm Duyên - Thư ký Toà án nhân dân huyện Phú Quốc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Quốc không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 07 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Phú Quốc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 185/2018/TLST-HNGĐ, ngày 07/5/2018 về việc:*"Xin ly hôn",* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 24/5/2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phan Kim Tố H, sinh năm 1970.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1955.

- Con chung: Nguyễn Xuân G, sinh ngày 13/5/2004 và Nguyễn Xuân Phú Q, sinh ngày 23/10/2010.

Cùng địa chỉ: Tổ 14, ấp R, xã H, huyện P, tỉnh K.

(Bà H, ông B có mặt; Cháu G và cháu Q có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện cùng bản tự khai, biên bản hoà giải và tại phiên toà nguyên đơn bà Phan Kim Tố H trình bày:* Năm 1998 tôi và ông Nguyễn Văn B tự

nguyện tìm hiểu chung sống vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng gần đây thường xảy ra mâu thuẫn, bất đồng ý kiến với nhau trong cuộc sống dẫn đến tình cảm không còn. Vì thương con tôi cố hàn gắng để vợ chồng cùng nuôi dạy con chung nhưng không có kết quả. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc và không thể sống chung với nhau được nữa, nếu có kéo dài thì mục đích hôn nhân cũng không đạt được nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

Về hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn B.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng sinh được 03 người con chung tên Nguyễn Xuân S, sinh ngày 20/4/2000, Nguyễn Xuân G, sinh ngày 13/5/2004 và Nguyễn Xuân Phú Q, sinh ngày 23/10/2010. Đối với con chung Nguyễn Xuân S đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Đối với hai con chung Nguyễn Xuân G và Nguyễn Xuân Phú Q đề nghị Tòa xem xét theo nguyện vọng của các cháu theo ai thì người đó có trách nhiệm nuôi dưỡng, nếu các cháu theo tôi thì tôi không yêu cầu ông B phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về công nợ chung: Tôi xác nhận vợ chồng không có công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Bị đơn ông Nguyễn Văn B trình bày:* Về hôn nhân, con chung, công nợ chung và tài sản chung vợ tôi (H) trình bày là đúng. Nay vợ tôi (H) khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn với tôi thì tôi đồng ý.

Về con chung: Con chung Nguyễn Xuân S đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Đối với hai con chung Nguyễn Xuân G và Nguyễn Xuân Phú Q tôi đề nghị được chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành mà không cần sự cấp dưỡng nuôi con chung của bà H.

* *Con chung Nguyễn Xuân G và Nguyễn Xuân Phú Q có cùng ý kiến:* Tôi là con của ông Nguyễn Văn B và bà Phan Kim Tố H. Tôi không rõ lý do cha mẹ ly hôn nhưng trường hợp Tòa án giải quyết cho cha mẹ ly hôn thì tôi muốn được ở với mẹ. Đây là nguyện vọng của tôi không bị ai ép buộc hay xúi giục.

XÉT THẤY

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận

định như sau:

Về thủ tục tố tụng: Con chung Nguyễn Xuân G và Nguyễn Xuân Phú Q đã có lời khai và có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thống nhất xét xử vắng mặt cháu G và cháu Q.

Về nội dung vụ án: Năm 1998, ông Nguyễn Văn B và bà Phan Kim Tố H tự nguyện tìm hiểu chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc nhưng gần đây thì phát sinh mâu thuẫn vì tính tình không hợp, không cùng quan điểm sống, thường xuyên cải vã nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Mặc dù, ông B và bà H đã nhiều lần hàn gắn nhưng không có kết quả nên bà H khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông B.

Tại phiên tòa, bà H khẳng định tình cảm vợ chồng giữa bà với ông B thật sự đã hết, nếu có kéo dài thì cũng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân cũng không đạt được nên vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn ông Nguyễn Văn B khai nhận đúng như lời trình bày của bà H và thống nhất ly hôn. Tuy nhiên, do ông B và bà H không có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên không có cơ sở để giải quyết cho ly hôn mà cần tuyên bố mối quan hệ giữa hai người không phải là vợ chồng.

Về con chung: Hai bên thống nhất con chung Nguyễn Xuân S đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với hai con chung Nguyễn Xuân G và Nguyễn Xuân Phú Q thì tại phiên tòa bà H đề nghị được nuôi dưỡng và ông B cũng đồng ý. Xét thấy hiện nay bà H là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dạy các cháu, đồng thời nguyện vọng của hai cháu đều muốn sống với mẹ. Để đảm bảo cho sự phát triển bình thường về mọi mặt và phù hợp với nguyện vọng của con chung, Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận giữa ông B và bà H về việc giao cháu G và cháu Q bà H tiếp tục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do bà H không có yêu cầu nên miễn xét.

Về tài sản chung: Do bà H và ông B tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên cũng miễn xét.

Về công nợ chung: Bà H, ông B xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Bà H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 28, 35, 147, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 9, 14, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ hôn nhân giữa bà Phan Kim Tố H và ông Nguyễn Văn B là vợ chồng.

2. Về con chung:

Giao hai con chung Nguyễn Xuân G, sinh ngày 13/5/2004 và Nguyễn Xuân Phú Q, sinh ngày 23/10/2010 cho bà Phan Kim Tố H chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành (18 tuổi).

Vì lợi ích mọi mặt của con, khi cần thiết có thể thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con hoặc người trực tiếp nuôi con. Bà H và các thành viên trong gia đình bà H không được ngăn cản quyền gặp gỡ, thăm nom và chăm sóc con chung của ông Nguyễn Văn B.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do bà H không có yêu cầu nên miễn xét.

4. Về tài sản chung và công nợ chung:

- Về tài sản chung: Do bà H và ông B tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

- Về công nợ chung: Do bà H và ông B đều xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết nên cũng miễn xét.

5. Về án phí: Bà Phan Kim Tố H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, bà H đã nộp 300.000đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003090 ngày 24/4/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang nay chuyển thành án phí. Như vậy, bà H đã nộp xong.

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền

yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKS huyện Phú Quốc;
- THA huyện Phú Quốc;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Kim Trang